

## 輔導就醫說明

為了讓同學在身體不適的第一時間，能夠把握就醫的關鍵，以下說明讓同學可以自行就醫。

Để các em nắm bắt được thời cơ thăm khám kịp thời ngay khi cơ thể có biểu hiện không khỏe, dưới đây là các bước hướng dẫn để các em có thể tự đi khám bác sỹ.

- 診所名稱 Tên phòng khám : 嘉大診所
- 診所地址 Địa chỉ : 717 台南市仁德區中正路一段 179 號
- 診所電話 Số điện thoại : (06) 266-8716 (只採用現場掛號)
- 診所照片 Hình ảnh phòng khám :



➤ **主治項目 Chuyên khoa điều trị :**

- ✓ 過敏性鼻炎、急慢性氣喘、感冒

Viêm mũi dị ứng, hen suyễn cấp và mãn tính, cảm cúm

- ✓ 頭痛、失眠、濕疹、神經痛、關節疼痛

Đau đầu, mất ngủ, nổi mẩn, thần kinh đau nhức, đau khớp

- ✓ 攝護腺、泌尿道感染、皮膚過敏

Tuyến tiền liệt, nhiễm khuẩn đường tiết niệu, dị ứng da

- ✓ 成人健檢、腸胃道疾病

Kiểm tra sức khỏe người lớn, các bệnh về đường tiêu hóa

- ✓ 高血壓、高血脂、糖尿病、痛風

Huyết áp cao, mỡ trong máu cao, tiểu đường, bệnh Gout

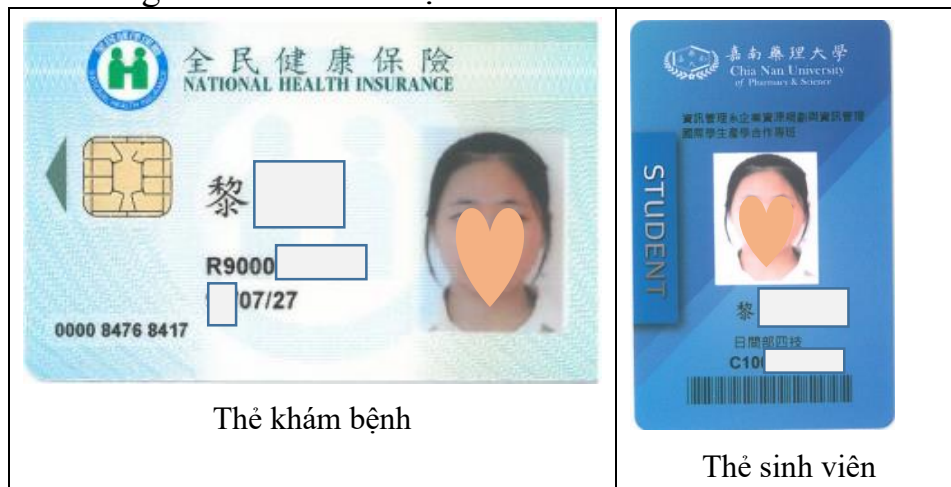
➤ **門診時間 Thời gian khám bệnh :**

星期 Thứ	一	二	三	四	五	六	日
時間 Thời gian							
08:30~12:30	V	V	V	V	V	V	休
15:30~18:00	V	V	V	V	V	休	休
18:30~21:00	V	V	V	V	V	休	休

➤ **就醫流程 Quy trình khám bệnh :**

1. 攜帶健保卡跟學生證

Cần mang theo Thẻ khám bệnh và Thẻ sinh viên



2. 初次看診請填寫初診單

Lần đầu tiên đến khám phải điền vào Phiếu khám bệnh

**Năm/ tháng/ ngày sinh như trên thẻ khám bệnh**

**Tích vào giới tính**

**Có bị dị ứng thuốc không?**

**嘉南大診所 病患基本資料**

初診: 年 月 日 病歷: 號碼: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]

姓名: **Họ tên** 生日: 年 月 日 歲 男 女

身分證字號: **R 9 7 X X X (thẻ cư trú)** 體重: 公斤 血型: [ ] [ ] [ ] [ ]

地址: **台南市仁德區二人路一段 60 號**

電話: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] 病人職業: 工 商 軍公教 其他 嘉藥師生科系

行動電話: **096XXXXXXX** 緊急聯絡人: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] 關係: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]

藥物過敏史: 無 有 聯絡人電話: [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ] [ ]

個人史: 喝酒 抽菸 Uống rượu Hút thuốc 過去病史: 住院 Phẫu thuật 開刀

**Đang sử dụng thuốc hoặc thực phẩm chức năng gì**

服用藥物或保健食品 高血壓 糖尿病 高血脂 痛風 貧血 腦血管疾病 失眠 鼻炎 心臟病 心臟病 冠心症 心臟衰竭 心律不整 氣喘 膽結石 肝病 甲狀腺疾病 心臟病 冠心症 心臟衰竭 心律不整 氣喘 膽結石 胃病 胃潰瘍 便秘 腎結石 泌尿道感染 攝護腺肥大 婦科疾病 關節炎 其他

**Đánh dấu tích vào ô trống (  ) nếu có các bệnh sau:**

- 高血壓: Huyết áp cao     糖尿病: Tiểu đường     痛風: Bệnh Gout
- 貧血: Thiếu máu     腦血管疾病: Các bệnh mạch máu não
- 失眠: Mất ngủ     鼻炎: Viêm mũi     甲狀腺疾病: Các bệnh tuyến giáp
- 心臟病: Bệnh tim     冠心症: Bệnh tim mạch vành     心臟衰退: Suy tim
- 心律不整: Rối loạn nhịp tim     氣喘: Hen suyễn     膽結石: Sỏi mật
- 肝病: Bệnh về gan     B 型肝炎: Viêm gan B     C 型肝炎: Viêm gan C
- 其他: Khác (phải viết rõ)     胃潰瘍: Trào ngược dạ dày     便秘: Táo bón
- 腎結石: Sỏi thận     泌尿道感染: Nhiễm trùng đường tiết niệu
- 攝護腺肥大: Tuyến tiền liệt phì đại     婦科疾病: Các bệnh phụ khoa
- 關節炎: Viêm khớp     其他: Khác (phải viết rõ)

3. 付掛號費 80 元。要出示學生證才能享有折扣。

Nộp 80 Đai tệ tiền khám bệnh. Phải đưa thẻ sinh viên ra thì mới được giảm giá.

4. 自行量血壓，並將測量結果妥善保管，等待醫生叫名字時，一併拿給醫生評估。

Tự đo huyết áp, và giữ giấy kết quả cẩn thận, đợi khi bác sỹ gọi tên thì đem giấy kết quả cho bác sỹ đánh giá.



等待結果顯示，並列印出來  
Đợi cho kết quả hiển thị và in ra

◇ 量血壓的流程 Quy trình đo huyết áp

1. 坐著休息至少 10~15 分鐘，保持心情平靜。  
Ngồi nghỉ ngơi khoảng 10~15 phút, giữ tâm trạng bình tĩnh.
2. 將手臂的衣袖捲起，或是移除過緊的衣袖。  
Vén tay áo lên hoặc cởi bỏ phần tay áo bó quá chặt.
3. 手掌朝上，勿握拳，腿不可交叉  
Lòng bàn tay hướng lên, không được nắm lại, chân không được vắt chéo
4. 量血壓時盡量不要移動或說話  
Khi đo huyết áp không được nói chuyện hoặc đi chuyển

5. 醫生問診時，要打 LINE 給驛婷進行同步翻譯，以免發生錯誤。

Khi bác sỹ hỏi bệnh, cần phải gọi LINE cho cô Nhân để dịch, tránh để xảy ra sai sót.

6. 醫生看診完，要先到外面等待叫名字拿藥，這時也要打電話給驛婷，以免搞錯吃藥的時間及順序。

Sau khi bác sỹ khám xong, cần ra ngoài đợi bác sỹ gọi tên để lấy thuốc, lúc này cũng phải gọi cho cô Nhân để tránh bị nhầm lẫn thời gian và trình tự uống thuốc.